

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Tâm.

Bà Lương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Ngọc K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 7 năm 1995 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn T và bà Lộc Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị kết án; bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09 tháng 12 năm 2021 đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện T, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện nay: Khu B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

6. Chị Bùi Thị Lan, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số A, đường C, khối V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, nợ nần trong việc làm ăn nên trong khoảng thời gian từ tháng 8-2021 đến tháng 12-2021, Dương Ngọc K đã sử dụng nick zalo “Dương K” thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với nhiều người, dưới hình thức lợi dụng lòng tin của khách hàng, mặc dù không có hàng nhưng vẫn nói là có hàng theo nhu cầu của khách để yêu cầu khách đặt cọc tiền, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng BIDV số 351100006541xx cho K. Sau khi nhận được tiền, K không giao hàng, không trả lại tiền đặt cọc. Tổng số tiền K đã chiếm đoạt của các bị hại là 226.708.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Ngày 30-8-2021, Nguyễn Văn T nhắn tin với K để đặt mua số lượng 1000 chiếc khẩu trang với giá 12.500 đồng/01 chiếc, K đồng ý nói T đặt cọc trước 4.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, T dùng tài khoản ngân hàng Techcombank số tài khoản 190357164400xx của vợ là Hoàng Thị N chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản của K để đặt cọc. Ngày 01-9-2021, do có nhu cầu mua giày nên T liên hệ với K, K đồng ý bán 800 đôi giày với giá 113.000 đồng/01 đôi và tiếp tục yêu cầu T đặt cọc. Đến ngày 02-9-2021, T chuyển tiền vào tài khoản của K 02 lần, lần thứ nhất chuyển 15.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển 5.000.000 đồng. Tổng số tiền mà K nhận của T là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Sau đó, do T nhiều lần nhắn tin, gọi điện nhưng K không trả lời. Do sợ T báo công an nên để tạo lòng tin đối với T, K đã chuyển trả lại 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 20-11-2021, K nhắn tin với chị Nguyễn Thị P hứa hẹn sẽ bán cho P 14 thùng hàng máy xông mặt hoa quả với giá 82.000 đồng/01 cái và yêu cầu P chuyển tiền đặt cọc, P đồng ý và trong ngày 21-11-2021 P đã dùng tài khoản ngân hàng Vietcombank số tài khoản 10159094xx chuyển vào tài khoản của K số tiền 41.328.000 đồng; chia làm 02 lần, lần thứ nhất chuyển 10.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển 31.328.000 đồng để đặt cọc. Đến tối ngày 22-11-2021, K hứa hẹn bán thêm 04 thùng hàng máy xông hoa quả cho P, do lúc này tài khoản hết tiền nên P đã nhờ Phan Thị T, sinh năm 1989, trú tại khu B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn dùng tài khoản ngân hàng MB bank số tài khoản 76686669666xx của T chuyển

vào tài khoản của K 11.810.000 đồng. Tổng số tiền mà K nhận của P là 53.138.000 đồng (năm mươi ba triệu một trăm ba mươi tám triệu đồng). Sau đó, Phương nhiều lần, nhắn tin, gọi điện nhưng K không trả lời. Do sợ P báo Công an nên để tạo lòng tin với P, K đã chuyển trả lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngày 24-11-2021, K nhắn tin cho Vũ Thị L thỏa thuận sẽ bán cho 10 thùng hàng máy xông mặt hoa quả với giá 32.500.000 đồng và yêu cầu L chuyển tiền đặt cọc, L đồng ý. Ngày 24-11-2021, L đã dùng tài khoản ngân hàng Viettinbank số tài khoản 1058676146xx chuyển vào tài khoản của K số tiền 32.500.000 đồng. Đến ngày 28-11-2021, K nhắn tin cho L nói có 504 máy xông mặt hoa quả, hỏi L có mua không, L đồng ý và L đã 02 lần chuyển vào tài khoản của K với tổng số tiền 36.070.000 đồng. Tổng số tiền mà K nhận của L là 68.570.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm bảy mươi triệu đồng). Sau đó, L nhiều lần, nhắn tin, gọi điện nhưng K không trả lời. Do sợ L báo Công an nên để tạo lòng tin với L, K đã chuyển trả lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngày 29-11-2021, do biết Ngô Thị Thu T có nhu cầu mua thuốc lá điện tử nên K đã nhắn tin cho T thỏa thuận bán 450 thuốc lá điện tử rồi yêu cầu T đặt cọc, T đồng ý. Ngày 29-11-2021, T đã dùng tài khoản của ngân hàng Viettinbank số tài khoản 1098701150xx chuyển vào tài khoản của K 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Sau đó, T nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại nhưng K không trả lời.

Ngày 01-12-2021, biết Phạm Văn T có nhu cầu mua máy xông mặt hoa quả nên K đã nhắn tin cho T thỏa thuận bán 07 thùng, mỗi thùng 40 máy, mỗi máy giá 92.000 đồng, tổng số tiền hàng là 25.760.000 đồng và yêu cầu T đặt cọc, T đồng ý. Cùng ngày, T đã dùng tài khoản ngân hàng MB bank số tài khoản 36586666567xx chuyển vào tài khoản của K 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau đó, T nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại nhưng K không trả lời.

Ngày 01-12-2021, K nhắn tin cho Bùi Thị L với nội dung “đang có hàng máy xông mặt hoa quả tại T, Hà Nội, có khoảng mấy chục thùng, có muốn mua không”, “nếu mua phải đặt cọc” L đồng ý và cùng ngày, L đã dùng tài khoản của ngân hàng Techcombank số tài khoản 190243535170xx chuyển vào tài khoản của K 20.000.000 đồng, chia làm 02 lần, lần thứ nhất chuyển 5.000.000 đồng, lần thứ hai 15.000.000 đồng. Sau đó, L nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại nhưng K không trả lời.

Ngày 02-12-2021, Kiên nhắn tin trao đổi với Vũ Thị T về việc có 30 thùng hàng máy xông mặt hoa quả với giá 4.600.000 đồng/01 thùng và T có muốn lấy không, nếu lấy thì phải đặt cọc trước. T đồng ý rồi dùng tài khoản ngân hàng BIDV số tài khoản 351100004983xx chuyển vào tài khoản của K 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau đó, T nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại nhưng K không trả lời. Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại hãng Apple, kiểu máy Iphone 6S; 02 (hai) sim điện thoại.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Dương Ngọc K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Ngọc K từ 08 năm đến 09 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 02 (hai) sim điện thoại. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và không ý kiến tranh luận với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, nói lời xin lỗi với các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải trả lãi chậm trả đối với số tiền bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường. Các bị hại không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại chị Ngô Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị hại anh Phạm Văn T vắng mặt không rõ lý do nhưng phiên tòa được triệu tập lần 02 và việc vắng mặt của anh Phạm Văn T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn T và chị Ngô Thị Thu T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T theo quy định của Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận từ tháng 8-2021 đến tháng 12-2021, bị cáo Dương Ngọc K đã nhiều lần lợi dụng lòng tin của khách hàng, mặc dù không có hàng nhưng vẫn nói dối là có hàng theo nhu cầu của khách để yêu cầu khách chuyển tiền đặt cọc rồi chiếm đoạt. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 24.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T, số tiền 53.138.000 đồng của chị Nguyễn Thị P, số tiền 68.570.000 đồng của chị Vũ Thị L, số tiền 6.000.000 đồng của chị Ngô Thị Thu T, số tiền 5.000.000 đồng của anh Phạm Văn T, số tiền 20.000.000 đồng của chị Bùi Thị L, số tiền 50.000.000 đồng của chị Vũ Thị T. Tổng cộng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 226.708.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định của Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đủ căn cứ kết án bị cáo Dương Ngọc K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt do chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt nhưng chưa trả lại và không yêu cầu bị cáo phải trả lãi chậm trả đối với số tiền bị cáo nghĩa vụ phải bồi thường. Trong đó, anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 43.138.000 đồng, chị Vũ Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 58.570.000 đồng, chị Ngô Thị Thu T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, anh Phạm Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, chị Bùi Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền

20.000.000 đồng, chị Vũ Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý trả lại số tiền như các bị hại yêu cầu. Việc bị cáo đồng ý trả lại số tiền như theo yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do theo Biên bản xác minh của cơ quan điều tra, bị cáo không có thu nhập, không có tài sản.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với 02 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nhưng chưa trả cho các bị hại theo như yêu cầu của các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của bị cáo, bị hại được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 50, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điểm a, f khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Ngọc K 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 09 tháng 12 năm 2021.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Dương Ngọc K.

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận

giữa bị cáo Dương Ngọc K và các bị hại, cụ thể:

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 21.500.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 21.500.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 43.138.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 43.138.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 58.570.000 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) cho chị Vũ Thị L. Chị Vũ Thị L không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 58.570.000 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho chị Ngô Thị Thu T. Ngô Thị Thu T không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho anh Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho chị Bùi Thị L. Chị Bùi Thị L không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo Dương Ngọc K phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T không yêu cầu bị cáo Dương Ngọc K phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước đối với 01 (một) điện thoại hãng Apple, kiểu máy Iphone 6S, có IMEI 355772076216865, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) sim điện thoại trên sim ghi số 8984048000009732432 và 01 (một) sim điện thoại trên sim ghi số 8984048000336450634.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14-4-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).

6. Về án phí:

6.1 Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Dương Ngọc K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Dương Ngọc K phải chịu 10.260.400 đồng (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Công an huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp